

Số: 40 /2025/GCNDKHHĐ-GDNNGDTX

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: *Southern College for Engineering and Agriculture*

Thuộc: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

Địa chỉ trụ sở chính: *Phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ*

Điện thoại: **0292.3862.067;**

Fax: **0292.3862.079;**

Website: ***http://cea.edu.vn;***

Email: ***cdcodien08@yahoo.com***

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo: ***Không***

Quyết định thành lập: ***Số 7592/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo***

2. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Tại trụ sở chính: Phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán	6340301	40	Cao đẳng
2	Kế toán doanh nghiệp	5340302	40	Trung cấp
II	Nhóm nghề sơ cấp Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán hợp tác xã		35	Sơ cấp
III	Nhóm nghề sơ cấp Quản trị - Quản lý			
1	Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp		35	Sơ cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
IV	Nhóm ngành, nghề Máy tính			
1	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	30	Trung cấp
V	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Quản trị mạng máy tính	6480209	40	Cao đẳng
		5480209	30	Trung cấp
VI	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	40	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	80	Cao đẳng
VII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	120	Cao đẳng
VIII	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Kỹ thuật máy nông nghiệp	6520102	40	Cao đẳng
2	Cắt gọt kim loại	5520121	40	Trung cấp
			35	Sơ cấp
3	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	80	Trung cấp
			35	Sơ cấp
IX	Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Hàn		35	Sơ cấp
2	Bảo dưỡng và sửa chữa máy nông nghiệp		35	Sơ cấp

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
X	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
		5520205	40	Trung cấp
2	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	60	Trung cấp
3	Điện công nghiệp	6520227	40	Cao đẳng
		5520227	50	Trung cấp
			35	Sơ cấp
XI	Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Điện dân dụng		35	Sơ cấp
2	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị lạnh dân dụng		35	Sơ cấp
XII	Nhóm ngành, nghề Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống			
1	Công nghệ thực phẩm	6540103	40	Cao đẳng
		5540103	50	Trung cấp
XIII	Nhóm ngành, nghề Nông nghiệp			
1	Khoa học cây trồng	6620109	20	Cao đẳng
2	Bảo vệ thực vật	6620116	30	Cao đẳng
		5620116	50	Trung cấp
3	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	30	Trung cấp
4	Chăn nuôi	6620119	40	Cao đẳng
5	Chăn nuôi - Thú y	5620120	40	Trung cấp

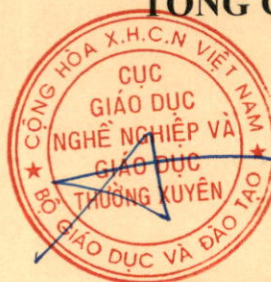
C.N
 IC
 DỤ
 IGHIE
 AO DU
 JNG XI
 DUC

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
XIV	Nhóm nghề sơ cấp Nông nghiệp			
1	Trồng sầu riêng, măng cụt		35	Sơ cấp
2	Trồng cây có múi		35	Sơ cấp
3	Nhân giống lúa		35	Sơ cấp
4	Trồng vải, nhãn		35	Sơ cấp
5	Trồng mai vàng, mai chiếu thủy		35	Sơ cấp
6	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh		35	Sơ cấp
7	Trồng và nhân giống nấm		35	Sơ cấp
8	Trồng rau hữu cơ		35	Sơ cấp
9	Trồng lúa năng suất cao		35	Sơ cấp
10	Trồng xoài, ổi, chôm chôm		35	Sơ cấp
11	Trồng ngô		35	Sơ cấp
12	Trồng hoa công nghệ cao		35	Sơ cấp
13	Trồng vú sữa		35	Sơ cấp
14	Quản lý dịch hại tổng hợp		35	Sơ cấp
15	Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ		35	Sơ cấp
16	Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn		35	Sơ cấp
17	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò		35	Sơ cấp
18	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà		35	Sơ cấp
19	Nuôi dê, thỏ		35	Sơ cấp
XV	Nhóm ngành, nghề Thủy sản			
1	Chế biến và bảo quản thủy sản	6620302	80	Cao đẳng
		5620302	40	Trung cấp
			35	Sơ cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
2	Nuôi trồng thủy sản	6620303	30	Cao đẳng
		5620303	40	Trung cấp
XVI	Nhóm nghề sơ cấp Thủy sản			
1	Nuôi cá lồng bè nước ngọt		35	Sơ cấp
2	Nuôi lươn		35	Sơ cấp
3	Nuôi cá tra, cá ba sa		35	Sơ cấp
4	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt		35	Sơ cấp
5	Sản xuất giống một số loại cá nước ngọt		35	Sơ cấp
XVII	Nhóm ngành, nghề Thú y			
1	Thú y	6640101	30	Cao đẳng
		5640101	80	Trung cấp
XVIII	Nhóm nghề sơ cấp Thú y			
1	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi		35	Sơ cấp

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 301/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 07/8/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 301a/2017/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 11/9/2018, 301b/2017/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 27/8/2019, 301c/2017/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 08/01/2025 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. *lely*

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trương Anh Dũng